

Số: 02 /TB-SYT

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám bệnh,
chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2025; đăng ký khám chữa bệnh bảo hiểm
y tế ban đầu và chuyển khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn
tỉnh Thái Nguyên năm 2025**

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật số 51/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Công văn số 2909/BYT-BH ngày 14/5/2025 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện việc đăng ký KCB ban đầu, chuyển cơ sở KCB và phiếu hẹn khám lại tại các cơ sở KBCB;

Căn cứ Công văn số 3929/BYT-BH ngày 21/6/2025 của Bộ Y tế về việc đăng ký KBCB BHYT ban đầu tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên;

Căn cứ các Văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam hiện hành;

Căn cứ điều kiện của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở cuộc họp thống nhất ngày 24/6/2025 giữa Sở Y tế (Thái Nguyên và Bắc Kạn) với Bảo hiểm xã hội khu vực X.

Sở Y tế ban hành Thông báo cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh (KBCB) bảo hiểm y tế (BHYT) năm 2025; đăng ký khám

chữa bệnh BHYT ban đầu và chuyển KBCB BHYT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2025 như sau:

1. Cơ sở đủ điều kiện KBCB BHYT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Tổng số 345 cơ sở đủ điều kiện KBCB BHYT, gồm:

- 01 cơ sở Cấp chuyên sâu (trước ngày 01/01/2025 là tuyến Trung ương);
- 10 cơ sở Cấp cơ bản (trước ngày 01/01/2025 là tuyến tỉnh và tương đương);
- 28 cơ sở Cấp cơ bản (trước ngày 01/01/2025 là tuyến huyện và tương đương);
- 19 cơ sở Cấp ban đầu (là Phòng khám đa khoa và tương đương).
- 07 cơ sở Cấp ban đầu (là Trạm y tế cơ quan, đơn vị, trường học);
- 180 cơ sở Cấp ban đầu (là Trạm y tế thuộc xã, phường).

2. Cơ sở đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Có 234 cơ sở đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu, gồm:

- 01 cơ sở Cấp chuyên sâu (trước ngày 01/01/2025 là tuyến Trung ương);
- 07 cơ sở Cấp cơ bản (trước ngày 01/01/2025 là tuyến tỉnh và tương đương);
- 27 cơ sở Cấp cơ bản (trước ngày 01/01/2025 là tuyến huyện và tương đương);
- 12 cơ sở Cấp ban đầu (là Phòng khám đa khoa và tương đương).
- 07 cơ sở Cấp ban đầu (là Trạm y tế cơ quan, đơn vị, trường học);
- 180 cơ sở Cấp ban đầu (là Trạm y tế thuộc xã, phường).

(Chi tiết các cơ sở đủ điều kiện KBCB BHYT và đăng ký KBCB BHYT ban đầu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông báo này)

3. Thông báo lựa chọn đăng ký KBCB BHYT ban đầu tại cơ sở KBCB

3.1. Người tham gia BHYT thuộc tất cả các đối tượng tại tỉnh Thái Nguyên được quyền lựa chọn đăng ký KBCB BHYT ban đầu tại một trong các cơ sở KBCB sau đây phù hợp với nơi làm việc, nơi cư trú và khả năng đáp ứng của cơ sở KBCB. Cụ thể như sau:

- **Cấp ban đầu** (trước ngày 01/01/2025 là tuyến xã và tương đương): Quy định tại Mục E Phụ lục 1 kèm theo Thông báo này.

- **Cấp cơ bản, Cấp ban đầu** (trước ngày 01/01/2025 là tuyến huyện và tương đương): Quy định tại Mục C Phụ lục 1 kèm theo Thông báo này.

3.2. Điều kiện người tham gia BHYT được đăng ký KBCB BHYT ban đầu tại Cấp cơ bản (trước ngày 01/01/2025 là tuyến tỉnh và tương đương); Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên (Cấp chuyên sâu):

Người tham gia BHYT ngoài việc lựa chọn đăng ký KBCB BHYT ban đầu tại các cơ sở KBCB theo quy định tại Mục 3.1 Thông báo này, các đối tượng sau đây có thể được đăng ký KBCB BHYT ban đầu tại Cấp cơ bản (trước ngày 01/01/2025 là tuyến tỉnh và tương đương); Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên (Cấp chuyên sâu, trước ngày 01/01/2025 là tuyến Trung ương) trên địa bàn giáp ranh, cụ thể như sau:

3.2.1. Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên:

- Đối tượng thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.
- Người lao động (cán bộ, viên chức, hợp đồng) đang làm việc tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.
- Người có công với cách mạng, cựu chiến binh, người từ đủ 75 tuổi trở lên (*tại địa bàn Phường Phan Đình Phùng theo Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này*).
- Người lao động đang trong thời gian đến công tác đến tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên từ đủ 90 ngày trở lên.
- Học sinh, sinh viên, học viên đang trong thời gian học tập, thực hành, thực tập tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên từ đủ 90 ngày trở lên.
- Trẻ em dưới 6 tuổi (*tại địa bàn Phường Phan Đình Phùng theo Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này*).
- Người công tác trong quân đội, công an khi nghỉ hưu (*tại địa bàn Phường Phan Đình Phùng theo Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này*).
- Người mắc bệnh cần được chữa trị dài ngày theo danh mục của Bộ Y tế tại một trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Khi có Văn bản của Bộ Y tế về việc cho đối tượng cán bộ đã nghỉ chế độ của Bệnh viện được đăng ký KBCB BHYT tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Sở Y tế và Bảo hiểm xã hội khu vực X sẽ thống nhất xem xét đối tượng được đăng ký phù hợp với thực tế.

3.2.2. Bệnh viện A Thái Nguyên

3.2.2.1. Khám, quản lý sức khỏe cán bộ:

- Đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe cán bộ của tỉnh (*đương chức hoặc đã nghỉ hưu*) theo quy định tại các quyết định hoặc thông báo của Tỉnh ủy Thái Nguyên;
- Đối tượng là cán bộ đang công tác: Thầy thuốc, nhà giáo, nghệ sỹ được phong tặng Danh hiệu Nhân dân, Ưu tú; cán bộ, nhân viên công tác tại các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên (*gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh*); Văn phòng Đoàn ĐBQH; Văn phòng HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Lưu trữ tỉnh.

3.2.2.2. Các đối tượng khác:

- Người có công với cách mạng, cựu chiến binh, người từ đủ 75 tuổi trở lên (*tại các địa bàn theo Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này*).
- Trẻ em dưới 6 tuổi (*tại các địa bàn theo Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này*).
- Người công tác trong quân đội, công an khi nghỉ hưu.
- Cán bộ, công nhân viên chức đang làm việc hoặc cán bộ đã nghỉ chế độ của bệnh viện A Thái Nguyên.

- Cán bộ, công nhân viên chức Trung tâm Giám định y khoa Thái Nguyên.
- Cán bộ, công nhân viên chức Trung tâm Pháp Y Thái Nguyên.
- Cán bộ, công nhân viên chức Trung tâm Kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và thiết bị y tế.
- Cán bộ, công nhân viên chức bệnh viện Sức khỏe Tâm thần.
- Trung tâm Điều dưỡng và Phục hồi chức năng Tâm thần kinh Thái Nguyên.
- Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội.
- Người có HIV/AIDS đang được quản lý, điều trị ngoại trú tại Phòng khám điều trị ngoại trú - Bệnh viện A Thái Nguyên.

3.2.3. Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa (trước ngày 01/01/2025 là tuyến tỉnh và tương đương, có Phòng khám đa khoa và có chuyên khoa Nhi):

- Đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe cán bộ theo Hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh.
- Cán bộ, công nhân viên chức đang làm việc hoặc cán bộ đã nghỉ chế độ của bệnh viện; học sinh, sinh viên, học viên đang trong thời gian học tập, thực hành, thực tập tại cơ sở KBCB BHYT từ đủ 90 ngày trở lên; người lao động đang trong thời gian đi công tác đến cơ sở KBCB BHYT từ đủ 90 ngày trở lên.
- Cán bộ, công nhân viên chức bệnh viện chuyên khoa và các Trung tâm tuyến tỉnh lân cận.
- Người có công với cách mạng, cựu chiến binh, người từ đủ 75 tuổi trở lên và người công tác trong quân đội, công an khi nghỉ hưu trên địa bàn giáp ranh (tại các địa bàn theo Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này).
- Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo danh mục của Bộ Y tế.
- Trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn giáp ranh (tại các địa bàn theo Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này).
- Người có HIV/AIDS đang được quản lý, điều trị ngoại trú tại Phòng khám điều trị ngoại trú của Bệnh viện (nếu có).

3.2.4. Bệnh viện Quân y 91/Quân khu I:

- Đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe của tỉnh.
- Cán bộ, chiến sỹ của bệnh viện Quân y 91.
- Trẻ em dưới 6 tuổi (tại các địa bàn theo Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này).
- Người có công với cách mạng, cựu chiến binh, người từ đủ 75 tuổi trở lên (tại các địa bàn theo Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này).
- Người tham gia quân đội đã nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

4. CHUYỂN NGƯỜI BỆNH GIỮA CÁC CƠ SỞ KBCB BHYT

Thực hiện theo Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Công văn số 2909/BYT-BH ngày 14/5/2025 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện việc đăng ký KCB ban đầu, chuyển cơ sở KCB và phiếu hẹn khám lại tại các cơ sở KBCB.

5. Thủ tục hẹn khám lại

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Công văn số 2909/BYT-BH ngày 14/5/2025 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện việc đăng ký KCB ban đầu, chuyển cơ sở KCB và phiếu hẹn khám lại tại các cơ sở KCB.

6. Hồ sơ chuyển cơ sở KCB

Theo hướng dẫn tại Điều 12 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Công văn số 2909/BYT-BH ngày 14/5/2025 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện việc đăng ký KCB ban đầu, chuyển cơ sở KCB và phiếu hẹn khám lại tại các cơ sở KCB.

7. Điều khoản chuyển tiếp

- Khi Bộ Y tế, BHXH Việt Nam có văn bản hướng dẫn mới, Sở Y tế và BHXH khu vực X sẽ hợp thống nhất tiếp thu, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với hướng dẫn hiện hành.

- Khi có văn bản sửa đổi hoặc thay thế các văn bản dẫn chiếu trong hướng dẫn này thì thực hiện theo văn bản hướng dẫn mới, Sở Y tế sẽ có văn bản điều chỉnh hướng dẫn theo quy định.

Trên đây là nội dung Thông báo đăng ký KCB ban đầu và chuyển khám, chữa bệnh BHYT năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Thông báo số 5625/TB-SYT ngày 30/12/2024 của Sở Y tế về việc Thông báo tạm thời cơ sở KCB đủ điều kiện KCB (KCB) BHYT (BHYT) năm 2025; đăng ký khám chữa bệnh BHYT ban đầu và chuyển KCB BHYT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2025; trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Y tế để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (B/cáo);
- Vụ Bảo hiểm y tế, Bộ Y tế (B/cáo);
- UBND tỉnh (B/cáo);
- BHXH khu vực X (P/hợp);
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh (P/hợp);
- UBND các xã/phường (P/hợp chỉ đạo);
- Đại học Thái Nguyên;
- Ban GD SYT;
- Bệnh xá Công an tỉnh;
- Các cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh;
- Y tế cơ quan, đơn vị;
- Các phòng thuộc SYT;
- Website SYT Thái Nguyên;
- Lưu: VT, NVY (Hanhtd60b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lưu Thị Bình

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ VÀ ĐĂNG KÝ BAN ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 02 /TB-SYT ngày 01/7/2025 của Sở Y tế Thái Nguyên)

STT	Mã cơ sở KCB	TÊN CƠ SỞ KCB	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Cấp chuyên môn	Dự kiến số lượng thẻ BHYT
A.		Bệnh viện Trung ương	1	1		
1	19010	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	x	x	Cấp chuyên sâu	
B.		Bệnh viện tỉnh và tương đương	10	7		
1	19012	Bệnh viện A	x	x	Cấp cơ bản	
2	19013	Bệnh viện C	x	x	Cấp cơ bản	
3	19014	Bệnh viện Gang thép	x	x	Cấp cơ bản	
4	19015	Bệnh viện Quân y 91/Quân khu I	x	x	Cấp cơ bản	
5	19044	Bệnh viện Y học cổ truyền	x	x	Cấp cơ bản	
6	19047	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	x		Cấp cơ bản	
7	19048	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh	x	x	Cấp cơ bản	
8	19045	Bệnh viện Phổi	x		Cấp cơ bản	
9	19046	Bệnh viện Mắt	x		Cấp cơ bản	
10	06001	Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	x	x	Cấp cơ bản	
C.		Bệnh viện huyện và tương đương	47	39		
1	19001	Trung tâm y tế Thái Nguyên	x	x	Cấp cơ bản	
2	19002	Trung tâm y tế Sông Công	x	x	Cấp cơ bản	
3	19008	Trung tâm y tế Phổ Yên	x	x	Cấp cơ bản	
4	19004	Trung tâm y tế Phú Lương	x	x	Cấp cơ bản	
5	19006	Trung tâm y tế Võ Nhai	x	x	Cấp cơ bản	
6	19005	Trung tâm y tế Đồng Hỷ	x	x	Cấp cơ bản	
7	19003	Bệnh viện đa khoa Định Hóa	x	x	Cấp cơ bản	
8	19007	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	x	x	Cấp cơ bản	
9	19009	Bệnh viện đa khoa Phú Bình	x	x	Cấp cơ bản	
10	19020	Phân viện Trại Cau (trực thuộc TTYT Đồng Hỷ)	x	x	Cấp cơ bản	
11	19019	Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược, trực thuộc Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên	x	x	Cấp cơ bản	
12	19666	Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (Chi nhánh CTCP tập đoàn bệnh viện TNH)	x	x	Cấp cơ bản	
13	19133	Bệnh viện TNH Phổ Yên (Chi nhánh CTCP tập đoàn bệnh viện TNH)	x	x	Cấp cơ bản	

STT	Mã cơ sở KCB	TÊN CƠ SỞ KCB	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Cấp chuyên môn	Dự kiến số lượng thẻ BHYT
14	19018	Bệnh viện đa khoa tư nhân An Phú (Công ty TNHH Hoàng Hà - BVĐK An Phú)	x	x	Cấp cơ bản	
15	19022	Bệnh viện đa khoa Việt Bắc I (Công ty TNHH Hoàng Hà - BVĐK Việt Bắc I)	x	x	Cấp cơ bản	
16	19016	Bệnh viện đa khoa tư nhân Trung tâm (Công ty CP Bệnh viện đa khoa Trung Tâm)	x	x	Cấp cơ bản	
17	19356	Bệnh viện Mắt Thái Hà thuộc Công ty CP Bệnh viện Thái Hà	x		Cấp cơ bản	
18	19130	Bệnh viện đa khoa Thủ Đô thuộc Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa Thủ Đô	x	x	Cấp cơ bản	
19	19129	Bệnh xá Công an Thái Nguyên (có điều trị nội trú)	x	x	Cấp cơ bản	
20	19023	Phòng khám đa khoa Hà Nội-Thái Nguyên	x	x	Cấp ban đầu	
21	19017	Phòng khám đa khoa Việt Bắc	x	x	Cấp ban đầu	
22	19025	Công ty cổ phần y tế tổng hợp Minh Đức - Chi nhánh phòng khám đa khoa Minh Đức	x	x	Cấp ban đầu	
23	19132	Phòng khám đa khoa Thi Vân - Công ty TNHH Y dược Thi Vân	x	x	Cấp ban đầu	
24	19153	Phòng khám đa khoa Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên	x	x	Cấp ban đầu	
25	19136	Phòng khám đa khoa Ngôi Sao	x	x	Cấp ban đầu	
26	19138	Phòng khám đa khoa Hà Nội-Phú Bình	x	x	Cấp ban đầu	
27	19139	Phòng khám đa khoa C-MEC Đại Từ	x	x	Cấp ban đầu	
28	19149	Phòng khám đa khoa GREENLIGHT Diễm Thụy	x	x	Cấp ban đầu	
29	19926	Phòng khám đa khoa Phú Thái thuộc Công ty cổ phần phát triển Y học Phú Thái	x	x	Cấp ban đầu	
30	06033	Trung tâm Y tế Bắc Kạn	x	x	Cấp cơ bản	
31	06006	Trung tâm Y tế Na Rì	x	x	Cấp cơ bản	
32	06004	Trung tâm Y tế Chợ Đồn	x	x	Cấp cơ bản	
33	06007	Trung tâm Y tế Chợ Mới	x	x	Cấp cơ bản	
34	06005	Trung tâm Y tế Ba Bể	x	x	Cấp cơ bản	
35	06031	Trung tâm Y tế Pác Nặm	x	x	Cấp cơ bản	
36	06003	Trung tâm Y tế Bạch Thông	x	x	Cấp cơ bản	
37	06002	Trung tâm Y tế Ngân Sơn	x	x	Cấp cơ bản	
38	06338	Phòng khám đa khoa Việt Đức	x	x	Cấp ban đầu	
39	06209	Phòng khám đa khoa Quốc tế Việt Pháp	x	x	Cấp ban đầu	
40	06200	Bệnh xá công an Bắc Kạn	x	x	Cấp cơ bản	

STT	Mã cơ sở KCB	TÊN CƠ SỞ KCB	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Cấp chuyên môn	Dự kiến số lượng thẻ BHYT
41	19789	Phòng khám đa khoa Việt Đức 365 Phố Yên thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Việt Đức 365 Phố Yên	x		Cấp ban đầu	Chưa ký hợp đồng KBCB BHYT
42	19100	Phòng khám đa khoa Thanh Bình thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Thanh Bình Thái Nguyên	x		Cấp ban đầu	Chưa ký hợp đồng KBCB BHYT
43	19469	Phòng khám đa khoa Ánh Dương thuộc Công ty TNHH dịch vụ y tế Thành Lệ	x		Cấp ban đầu	Chưa ký hợp đồng KBCB BHYT
44	19137	Phòng khám đa khoa Bảo Ngọc Đại Từ, thuộc Công ty Cổ phần Phát triển Y học Yechxanh	x		Cấp ban đầu	Chưa ký hợp đồng KBCB BHYT
45	19235	Phòng khám đa khoa Hà Nội Sông Công thuộc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Y tế T&T	x		Cấp ban đầu	Chưa ký hợp đồng KBCB BHYT
46	19888	Phòng khám đa khoa Tân Long, thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện Tân Long	x		Cấp ban đầu	Chưa ký hợp đồng KBCB BHYT
47	19962	Phòng khám đa khoa An Bình, thuộc Công ty TNHH Bệnh viện Y học cổ truyền An Bình	x		Cấp ban đầu	Chưa ký hợp đồng KBCB BHYT
D.		Y tế cơ quan, đơn vị, trường học	7	7		
1	19056	Trạm y tế Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (<i>Văn phòng CT, Xí nghiệp Năng lượng, NM Cán thép Thái Nguyên, NM Cốc Hoá, NM Luyện Gang, NM Luyện Thép, XN vận tải đường sắt, NM Cán thép Lưu Xá, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp</i>).	x	x	Cấp ban đầu	
2	19054	Trạm Y tế Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông	x	x	Cấp ban đầu	
3	19050	Trạm Y tế Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	x	x	Cấp ban đầu	
4	19051	Trạm Y tế Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	x	x	Cấp ban đầu	
5	19089	Trạm Y tế Trường Đại học Khoa học	x	x	Cấp ban đầu	
6	19053	Trạm Y tế Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên	x	x	Cấp ban đầu	
7	19158	Trạm Y tế Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc	x	x	Cấp ban đầu	

E. Trạm y tế các xã/phường

[illegible]

STT	Mã cơ sở KCB	Tên Trạm y tế xã/phường trước sáp nhập (280 TYT xã/phường)	Tên xã phường Sau sáp nhập (92 xã/phường)	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Cấp chuyên môn	Dân số (người)	Ghi chú
24	19119	Trạm Y tế xã Phúc Hà						
25	19118	Trạm Y tế phường Tân Long	Phường Quan Triều	x	x	Cấp ban đầu	42.292	
26	19416	Trạm Y tế xã Sơn Cẩm						
27	19101	Trạm Y tế phường Quan Triều						
28	19102	Trạm Y tế phường Quang Vinh						
29	19125	Trạm Y tế xã Tân Cương	Xã Tân Cương	x	x	Cấp ban đầu	25.525	
30	19123	Trạm Y tế xã Thịnh Đức						
31	19208	Trạm Y tế xã Bình Sơn						
32	19120	Trạm Y tế xã Phúc Xuân	Xã Đại Phúc	x	x	Cấp ban đầu	39.220	
33	19122	Trạm Y tế xã Phúc Triu						
34	19135	Trạm Y tế thị trấn Hùng Sơn						
35	19723	Trạm Y tế xã Tân Thái						
36	19804	Trạm Y tế xã Phúc Tân						
37	19724	Trạm Y tế xã Bình Thuận	Xã Đại Từ	x	x	Cấp ban đầu	27.021	
38	19721	Trạm Y tế xã Khôi Kỳ						
39	19726	Trạm Y tế xã Mỹ Yên						
40	19725	Trạm Y tế xã Lục Ba						
41	19732	Trạm Y tế xã Minh Tiến	Xã Đức Lương	x	x	Cấp ban đầu	13.181	
42	19706	Trạm Y tế xã Đức Lương						
43	19703	Trạm Y tế xã Phúc Lương						
44	19711	Trạm Y tế xã Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh	x	x	Cấp ban đầu	21.333	
45	19714	Trạm Y tế xã Bản Ngoại						
46	19707	Trạm Y tế xã Phú Cường						
47	19719	Trạm Y tế xã La Bằng	Xã La Bằng	x	x	Cấp ban đầu	18.237	

[illegible]

[illegible]

STT	Mã cơ sở KCB	Tên Trạm y tế xã/phường trước sáp nhập (280 TYT xã/phường)	Tên xã phường Sau sáp nhập (92 xã/phường)	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Cấp chuyên môn	Dân số (người)	Ghi chú
96	19904	Trạm Y tế xã Tân Khánh	Xã Tân Khánh	x	x	Cấp ban đầu	23.724	
97	19902	Trạm Y tế xã Bàn Đạt						
98	19907	Trạm Y tế xã Đào Xá						
99	19513	Trạm Y tế thị trấn Hóa Thượng	Xã Đồng Hỷ	x	x	Cấp ban đầu	31.012	
100	19501	Trạm Y tế thị trấn Sông Cầu						
101	19508	Trạm Y tế xã Minh Lập						
102	19510	Trạm Y tế xã Hóa Trung						
103	19507	Trạm Y tế xã Quang Sơn	Xã Quang Sơn	x	x	Cấp ban đầu	10.837	
104	19505	Trạm Y tế xã Tân Long						
105	19515	Trạm Y tế xã Hợp Tiến	Xã Trại Cau	x	x	Cấp ban đầu	17.327	
106	19503	Trạm Y tế thị trấn Trại Cau						
107	19518	Trạm Y tế xã Nam Hòa	Xã Nam Hòa	x	x	Cấp ban đầu	16.237	
108	19512	Trạm Y tế xã Cây Thị						
109	19509	Trạm Y tế xã Văn Hán	Xã Văn Hán	x	x	Cấp ban đầu	19.935	
110	19511	Trạm Y tế xã Khe Mo						
111	19506	Trạm Y tế xã Hòa Bình	Xã Văn Lãng	x	x	Cấp ban đầu	9.503	
112	19504	Trạm Y tế xã Văn Lãng						
113	19204	Trạm Y tế phường Thắng Lợi	Phường Sông Công	x	x	Cấp ban đầu	21.039	
114	19205	Trạm Y tế phường Phố Cò						
115	19203	Trạm Y tế phường Cải Đan						
116	19209	Trạm Y tế xã Bá Xuyên	Phường Bá Xuyên	x	x	Cấp ban đầu	20.065	
117	19202	Trạm Y tế phường Mô Chè						
118	19134	Trạm Y tế phường Châu Sơn						
119	19024	Trạm Y tế phường Bách Quang	Phường Bách Quang				26.668	

STT	Mã cơ sở KCB	Tên Trạm y tế xã/phường trước sáp nhập (280 TYT xã/phường)	Tên xã phường Sau sáp nhập (92 xã/phường)	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Cấp chuyên môn	Dân số (người)	Ghi chú
120	19126	Trạm Y tế phường Lương Sơn		x	x	Cấp ban đầu		
121	19207	Trạm Y tế xã Tân Quang						
122	19401	Trạm Y tế thị trấn Giang Tiên						
123	19402	Trạm Y tế thị trấn Đu	Xã Phú Lương	x	x	Cấp ban đầu	43.914	
124	19406	Trạm Y tế xã Yên Lạc						
125	19408	Trạm Y tế xã Động Đạt						
126	19412	Trạm Y tế xã Tức Tranh	Xã Vô Tranh	x	x	Cấp ban đầu	38.253	
127	19415	Trạm Y tế xã Cổ Lũng						
128	19414	Trạm Y tế xã Vô Tranh						
129	19410	Trạm Y tế xã Phú Đô	Xã Yên Trạch	x	x	Cấp ban đầu	23.543	
130	19403	Trạm Y tế xã Yên Ninh						
131	19405	Trạm Y tế xã Yên Đổ						
132	19404	Trạm Y tế xã Yên Trạch	Xã Hợp Thành	x	x	Cấp ban đầu	10.828	
133	19411	Trạm Y tế xã Hợp Thành						
134	19407	Trạm Y tế xã Ôn Lương						
135	19409	Trạm Y tế xã Phú Lý	Xã Định Hóa	x	x	Cấp ban đầu	22.333	
136	19301	Trạm Y tế thị trấn Chợ Chu						
137	19309	Trạm Y tế xã Phúc Chu						
138	19307	Trạm Y tế xã Bảo Linh						
139	19313	Trạm Y tế xã Đồng Thịnh	Xã Bình Yên	x	x	Cấp ban đầu	16.106	
140	19318	Trạm Y tế xã Bình Yên						
141	19317	Trạm Y tế xã Trung Lương						
142	19314	Trạm Y tế xã Định Biên						
143	19315	Trạm Y tế xã Thanh Định						

[illegible]

STT	Mã cơ sở KCB	Tên Trạm y tế xã/phường trước sáp nhập (280 TYT xã/phường)	Tên xã phường Sau sáp nhập (92 xã/phường)	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Cấp chuyên môn	Dân số (người)	Ghi chú
168	19609	Trạm Y tế xã La Hiên	Xã La Hiên	x	x	Cấp ban đầu	12.269	
169	19608	Trạm Y tế xã Cúc Đường						
170	19611	Trạm Y tế xã Tràng Xá	Xã Tràng Xá	x	x	Cấp ban đầu	14.609	
171	19613	Trạm Y tế xã Liên Minh						
172	19602	Trạm Y tế xã Sảng Mộc	Xã Sảng Mộc	x	x	Cấp ban đầu	3.286	
173	06105	Trạm Y tế xã Cao Sơn	Xã Vĩnh Thông	x	x	Cấp ban đầu	4.631	
174	06019	Trạm Y tế xã Sỹ Bình						
175	06112	Trạm Y tế xã Vũ Muộn						
176	06111	Trạm Y tế xã Cẩm Giàng	Xã Cẩm Giàng	x	x	Cấp ban đầu	11.342	
177	06108	Trạm Y tế xã Nguyên Phúc						
178	06104	Trạm Y tế xã Mỹ Thanh						
179	06101	Trạm Y tế xã Quân Hà						
180	06100	Trạm Y tế thị trấn Phủ Thông	Xã Phủ Thông	x	x	Cấp ban đầu	13.320	
181	06099	Trạm Y tế xã Vi Hương,						
182	06037	Trạm Y tế xã Lục Bình						
183	06008	Trạm Y tế xã Tân Tú						
184	06132	Trạm Y tế xã Đồng Thắng	Xã Bạch Thông	x	x	Cấp ban đầu	8.251	
185	06102	Trạm Y tế xã Dương Phong						
186	06016	Trạm Y tế xã Quang Thuận						
187	06077	Trạm Y tế xã An Thắng	Xã Nghiên Loan	x	x	Cấp ban đầu	11.040	
188	06076	Trạm Y tế xã Nghiên Loan						
189	06097	Trạm Y tế xã Xuân La						

STT	Mã cơ sở KCB	Tên Trạm y tế xã/phường trước sáp nhập (280 TYT xã/phường)	Tên xã phường Sau sáp nhập (92 xã /phường)	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Cấp chuyên môn	Dân số (người)	Ghi chú
190	06083	Trạm Y tế xã Bằng Thành	Xã Bằng Thành	x	x	Cấp ban đầu	13.984	
191	06078	Trạm Y tế xã Bộc Bó*						
192	06080	Trạm Y tế xã Giáo Hiệu						
193	06081	Trạm Y tế xã Nhạn Môn						
194	06084	Trạm Y tế xã Cao Tân	Xã Cao minh	x	x	Cấp ban đầu	12.807	
195	06085	Trạm Y tế xã Cổ Linh						
196	06082	Trạm Y tế xã Công Bằng						
197	06058	Trạm Y tế xã Dương Quang	Xã Phong Quang	x	x	Cấp ban đầu	6.144	
198	06110	Trạm Y tế xã Đôn Phong						
199	06152	Trạm Y tế xã Kim Hỷ	Xã Văn Lang	x	x	Cấp ban đầu	7.558	
200	06153	Trạm Y tế xã Lương Thượng						
201	06036	Trạm Y tế xã Văn Lang						
202	06159	Trạm Y tế xã Cường Lợi	Xã Cường Lợi	x	x	Cấp ban đầu	5.731	
203	06158	Trạm Y tế xã Văn Vũ						
204	06161	Trạm Y tế xã Kim Lư	Xã Na Rì	x	x	Cấp ban đầu	11.494	
205	06156	Trạm Y tế xã Sơn Thành						
206	06162	Trạm Y tế thị trấn Yên Lạc*						
207	06164	Trạm Y tế xã Cư Lễ	Xã Trần Phú	x	x	Cấp ban đầu	7.049	
208	06035	Trạm Y tế xã Trần Phú						
209	06165	Trạm Y tế xã Văn Minh						
210	06173	Trạm Y tế xã Côn Minh	Xã Côn Minh	x	x	Cấp ban đầu	6.635	
211	06172	Trạm Y tế xã Quang Phong						

STT	Mã cơ sở KCB	Tên Trạm y tế xã/phường trước sáp nhập (280 TYT xã/phường)	Tên xã phường Sau sáp nhập (92 xã/phường)	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Cấp chuyên môn	Dân số (người)	Ghi chú
212	06168	Trạm Y tế xã Dương Sơn						
213	06171	Trạm Y tế xã Đồng Xá	Xã Xuân Dương	x	x	Cấp ban đầu	7.012	
214	06170	Trạm Y tế xã Liêm Thủy						
215	06169	Trạm Y tế xã Xuân Dương						
216	06124	Trạm Y tế xã Cao Kỳ	Xã Tân Kỳ	x	x	Cấp ban đầu	7.718	
217	06127	Trạm Y tế xã Hòa Mục						
218	06129	Trạm Y tế xã Tân Sơn						
219	06115	Trạm Y tế xã Mai Lạp	Xã Thanh Mai	x	x	Cấp ban đầu	7.406	
220	06012	Trạm Y tế xã Thanh Mai						
221	06126	Trạm Y tế xã Thanh Vân						
222	06010	Trạm Y tế xã Nông Hạ	Xã Thanh Thịnh	x	x	Cấp ban đầu	8.802	
223	06120	Trạm Y tế xã Thanh Thịnh						
224	06123	Trạm Y tế xã Như Cố	Xã Chợ Mới	x	x	Cấp ban đầu	14.219	
225	06114	Trạm Y tế thị trấn Đồng Tâm						
226	06011	Trạm Y tế xã Quảng Chu						
227	06122	Trạm Y tế xã Bình Văn	Xã Yên Bình	x	x	Cấp ban đầu	7.036	
228	06116	Trạm Y tế xã Yên Hân						
229	06034	Trạm Y tế xã Yên Cư						
230	06029	Trạm Y tế xã Cao Thượng	Xã Ba Bể	x	x	Cấp ban đầu	11.773	
231	06027	Trạm Y tế xã Khang Ninh						
232	06073	Trạm Y tế xã Nam Mẫu						
233	06062	Trạm Y tế xã Địa Linh	Xã Chợ Rã	x	x	Cấp ban đầu	14.507	

STT	Mã cơ sở KCB	Tên Trạm y tế xã/phường trước sáp nhập (280 TYT xã/phường)	Tên xã phường Sau sáp nhập (92 xã/phường)	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Cấp chuyên môn	Dân số (người)	Ghi chú
234	06061	Trạm Y tế xã Thượng Giáo						
235	06060	Trạm Y tế thị trấn Chợ Rã*						
236	06068	Trạm Y tế xã Bành Trạch	Xã Phúc Lộc	x	x	Cấp ban đầu	10.354	
237	06030	Trạm Y tế xã Hà Hiệu						
238	06067	Trạm Y tế xã Phúc Lộc						
239	06028	Trạm Y tế xã Chu Hương	Xã Thượng Minh	x	x	Cấp ban đầu	11.030	
240	06065	Trạm Y tế xã Mỹ Phương						
241	06063	Trạm Y tế xã Yên Dương						
242	06074	Trạm Y tế xã Đồng Phúc	Xã Đồng Phúc	x	x	Cấp ban đầu	11.722	
243	06075	Trạm Y tế xã Hoàng Trĩ						
244	06039	Trạm Y tế xã Quảng Khê						
245	06130	Trạm Y tế xã Bằng Phúc						
246	06022	Trạm Y tế xã Bằng Vân	Xã Bằng Vân	x	x	Cấp ban đầu	5.643	
247	06089	Trạm Y tế xã Thượng Ân						
248	06087	Trạm Y tế xã Cốc Đán	Xã Ngân Sơn	x	x	Cấp ban đầu	8.260	
249	06091	Trạm Y tế xã Vân Tùng*						
250	06090	Trạm Y tế xã Đức Vân						
251	06208	Trạm Y tế xã Nà Phặc	Xã Nà Phặc	x	x	Cấp ban đầu	9.231	
252	06096	Trạm Y tế xã Trung Hòa						
253	06021	Trạm Y tế xã Thuần Mang	Xã Hiệp Lực	x	x	Cấp ban đầu	7.317	
254	06023	Trạm Y tế xã Hiệp Lực						
255	06149	Trạm Y tế xã Đồng Lạc	Xã Nam Cường	x	x	Cấp ban đầu	10.793	

STT	Mã cơ sở KCB	Tên Trạm y tế xã/phường trước sáp nhập (280 TYT xã/phường)	Tên xã phường Sau sáp nhập (92 xã/phường)	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Cấp chuyên môn	Dân số (người)	Ghi chú
256	06151	Trạm Y tế xã Xuân Lạc						
257	06150	Trạm Y tế xã Nam Cường						
258	06147	Trạm Y tế xã Quảng Bạch	Xã Quảng Bạch	x	x	Cấp ban đầu	3.851	
259	06148	Trạm Y tế xã Tân Lập						
260	06146	Trạm Y tế xã Bản Thi	Xã Yên Thịnh	x	x	Cấp ban đầu	5.476	
261	06144	Trạm Y tế xã Yên Thượng						
262	06145	Trạm Y tế xã Yên Thịnh						
263	06141	Trạm Y tế xã Bằng Lăng	Xã Chợ Đồn	x	x	Cấp ban đầu	16.252	
264	06143	Trạm Y tế xã Ngọc Phái						
265	06131	Trạm Y tế xã Phương Viên						
266	06142	Trạm Y tế thị trấn Bằng Lũng*						
267	06134	Trạm Y tế xã Đại Sảo	Xã Yên Phong	x	x	Cấp ban đầu	7.379	
268	06135	Trạm Y tế xã Yên Mỹ						
269	06137	Trạm Y tế xã Yên Phong						
270	06138	Trạm Y tế xã Bình Trung	Xã Nghĩa Tá	x	x	Cấp ban đầu	7.787	
271	06140	Trạm Y tế xã Lương Bằng						
272	06139	Trạm Y tế xã Nghĩa Tá						
273	06054	Trạm Y tế phường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Đức Xuân	x	x	Cấp ban đầu	22.660	
274	06056	Trạm Y tế phường Huyền Tung						
275	06053	Trạm Y tế phường Đức Xuân*						
276	06052	Trạm Y tế phường Sông Cầu	Phường Bắc Kạn	x	x	Cấp ban đầu	25.387	

STT	Mã cơ sở KCB	Tên Trạm y tế xã/phường trước sáp nhập (280 TYT xã/phường)	Tên xã phường Sau sáp nhập (92 xã/phường)	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Cấp chuyên môn	Dân số (người)	Ghi chú
277	06055	Trạm Y tế phường Phùng Chí Kiên						
278	06057	Trạm Y tế phường Xuất Hóa						
279	06059	Trạm Y tế xã Nông Thượng						
280	06092	Trạm Y tế xã Thượng Quan	Xã Thượng Quan	x	x	Cấp ban đầu	3.753	

Các Trạm Y tế đánh dấu () là các Trạm Y tế không thực hiện khám bệnh, chữa bệnh BHYT*

PHỤ LỤC 2

**Phụ lục 2: DANH MỤC ĐỊA BÀN ĐƯỢC ĐĂNG KÝ KBCB BẢO HIỂM Y TẾ BAN ĐẦU TẠI CƠ SỞ KBCB
TRÊN ĐỊA BÀN GIÁP RANH THEO MỤC 3.2 THÔNG BÁO NÀY**

(Kèm theo Thông báo số 02 /TB-SYT ngày 01/7/2025 của Sở Y tế Thái Nguyên)

STT	Phường/ xã trước sáp nhập	Phường/ xã sau sáp nhập	Cơ sở KBCB được đăng ký KBCB BHYT ban đầu	Trẻ em dưới 6 tuổi	Người từ 75 tuổi trở lên	Người có công; Cựu chiến binh	Ghi chú
1	phường Phan Đình Phùng	phường Phan Đình Phùng	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	1.806	1.071	330	
2	phường Đồng Quang			735	489	149	
3	phường Quang Trung			1.216	850	242	
4	phường Hoàng Văn Thụ			1.354	898	241	
5	Phường Trung Vương			540	385	171	
6	Phường Túc Duyên			966	414	367	
7	Phường Tân Thịnh			858	449	164	
1	phường Thịnh Đán	Phường Quyết Thắng	Bệnh viện A	934	595	246	
2	xã Quyết Thắng			828	466	282	
3	xã Phúc Hà			324	199	133	
4	xã Tân Cương	Xã Tân Cương	Bệnh viện A	569	176	242	
5	xã Thịnh Đức			731	236	304	
6	xã Bình Sơn			892	251	143	
7	xã Phúc Xuân	Xã Đại Phúc	Bệnh viện A	466	114	313	
8	xã Phúc Trìu			594	144	249	
1	phường Phú Xá	Phường Tích Lương	Bệnh viện Gang thép	823	549	158	
2	phường Trung Thành			1.082	893	181	
3	phường Tân Thành			364	376	78	
4	phường Tân Lập			772	506	132	

5	phường Tích Lương			642	552	228	
6	phường Hương Sơn	Phường Gia Sàng	Bệnh viện Gang thép	823	608	146	
7	phường Gia Sàng			1.066	618	285	
8	xã Đồng Liên			415	148	214	
9	phường Cam Giá			671	721	270	
1	phường Thắng Lợi			606	333	94	
2	phường Phố Cò	Phường Sông Công	Bệnh viện C	494	269	71	
3	phường Cải Đan			452	199	77	
1	phường Ba Hàng			888	515	261	
2	phường Hồng Tiến	Phường Phổ Yên	Bệnh viện Quân y 91	1.381	464	327	
3	phường Bãi Bông			428	312	39	
4	phường Đắc Sơn			1.096	302	363	
1	phường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Đức Xuân	Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	354	296	102	
2	phường Huyền Tụng			301	187	148	
3	phường Đức Xuân*			367	340	152	
4	xã Cẩm Giàng	Xã Cẩm Giàng		153	86	34	
5	xã Nguyên Phúc			119	70	10	
6	xã Mỹ Thanh			144	76	36	
7	xã Quân Hà			307	173	126	